TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 01, 03/01/2025

DXY đạt mốc 109, thị trường chịu áp lực giảm điểm

Tiêu điểm:

- Trong phiên giao dịch đầu năm mới (2/1/2025), NHNN đã phát hành tổng cộng 18,850 tỷ đồng tín phiếu. Ở chiều ngược lại, khối lượng đáo hạn trong ngày 2/1 là 15,000 tỷ đồng, do đó NHNN đã hút ròng qua kênh tín phiếu là 3,850 tỷ đồng.
- Sáng 2/1/2025, S&P Global công bố báo cáo chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 12/2024. Trong đó có 3 điểm nổi bật: Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng yếu hơn; niềm tin kinh doanh giảm đáng kể; việc làm tiếp tục giảm.

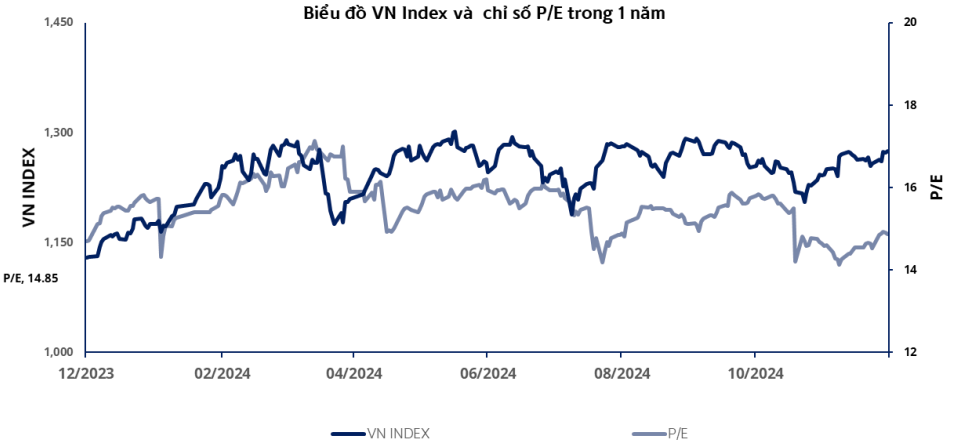
Đánh giá: Thị trường năm mới tiếp tục chịu áp lực giảm điểm với những thông tin không quá mới về tỷ giá. Cụ thể, chỉ số DXY đạt 109, mức cao nhất từ năm 2022. NHNN cũng đã có động thái can thiệp như bán USD và hút ròng qua kênh tín phiếu. Trong năm 2025, chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá vẫn sẽ tiếp diễn dưới các chính sách của ông Trump và từ tín hiệu giảm lãi suất ít hơn của FED; từ đó sẽ có khả năng NHNN phải tăng lãi suất điều hành 0.25-0.5%.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,254.5 (-20.55 điểm;-1.61%) trên đồ thị tuần, phủ nhận cây nến tăng điểm tuần trước. Thanh khoản liên tục sụt giảm cho thấy dòng tiền mới vẫn chưa tham gia. Khối ngoại quay lại bán ròng khá mạnh trong phiên thứ 6 với giá trị hơn 700 tỷ đồng. Kì vọng thị trường sẽ phản ứng tại vùng hỗ trợ 1,240 – 1,245. Nếu chỉ số bật tăng tại đây thuyết phục, khả năng cao chỉ số sẽ vượt luôn 1,280. Nếu thủng vùng này chỉ số có thể về lại 1,220.

Ý tưởng đầu tư: Chiến lược giao dịch ngắn sẽ phù hợp hơn trong giai đoạn này. Nhà đầu tư nên ưu tiên quan sát xem phản ứng tại vùng 1,240 để hành động theo kịch bản đề ra. Với nhịp phục hồi tại 1,240, khả năng sẽ xuất hiện điểm mua mới, nếu không phải đợi về vùng 1,220.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,255	-1.6	0.4	-1.8	-1.0		14.9	1.7	205
Upcom Index	94	-0.1	2.1	1.8	-0.8		12.6	1.3	64
HNX Index	226	-1.5	0.2	-3.3	-0.8		16.5	1.2	12
VN30 Index	1,321	-1.9	0.9	-1.9	-1.8		11.7	1.6	142
S&P 500 Index	5,869	-1.7	-3.0	3.0	-0.2		26.4	5.1	51,754
STOXX Europe 600 Index	510	0.6	-1.0	-1.2	0.5		14.8	2.0	13,736
Hang Seng	19,760	-1.6	0.1	-10.6	-1.5		9.8	1.1	2,934
Nikkei 225	39,895	-1.0	2.1	3.3	0.0		18.7	2.2	4,579
SHCOMP Index	3,211	-5.6	-5.0	-3.7	-4.2			1.3	6,928
STI Index	3,799	0.7	0.3	6.2	0.3		13.6	1.3	423
KOSPI Index	2,442	1.5	-2.3	-4.7	1.8		11.4	0.8	1,300

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 5808 7603
✉ namh@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.6	0.3	-1.4	-1.0	-3.9	-7.1	-16.8	0.0	77.6	5.5	12.9	1.7	4,548,366
Mid Cap	-1.7	1.1	1.5	-1.1	-28.4	-21.7	-7.1	0.0	21.2	-5.2	16.6	1.2	542,509
Small Cap	-1.0	3.3	0.7	-0.6	-30.4	-18.1	1.5	0.0	1.2	-0.3	109.3	0.6	65,122

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Xây dựng và vật liệu	0.9	4.2	4.0	1.0	-14.4	-0.3	9.0	0.0	5.6	-0.2	18.8	1.2	127,214
Dược và Y tế	0.2	0.1	2.4	0.0	-47.2	-43.8	-16.8	0.0	0.4	-0.3	18.3	2.3	39,957
Công nghệ Thông tin	-0.4	2.5	11.7	-2.2	4.1	-23.1	-13.8	0.0	5.4	0.8	29.8	5.0	237,914
Bất động sản	-0.6	-0.3	-2.0	-0.5	-22.5	-22.4	-31.3	0.0	14.8	-2.2	16.6	1.0	698,106
Dầu khí	-0.6	-2.9	-14.8	2.1	-10.4	-6.9	-25.3	0.0	0.8	0.0	20.6	2.2	61,917
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.0	0.8	6.0	-0.8	-28.5	-18.8	-11.8	0.0	6.0	-1.5	17.3	1.4	171,085
Tài nguyên cơ bản	-1.0	-0.2	1.0	-0.3	-11.2	-31.9	-30.8	0.0	4.9	0.0	16.2	1.4	214,862
Tiện ích	-1.0	-0.8	-5.1	-0.5	-20.9	-17.1	-15.0	0.0	1.2	-0.2	18.4	1.8	290,579
Hóa chất	-1.3	-0.5	-7.7	-0.3	-24.5	-28.3	-17.0	0.0	4.8	-0.9	20.8	1.9	229,797
Thực phẩm và đồ uống	-1.4	-1.2	-4.1	-0.8	-11.7	-7.4	-18.1	0.0	7.9	-0.1	19.4	2.2	418,270
Ô tô & Phụ tùng	-1.6	1.5	-5.6	0.1	-38.6	-20.6	-0.2	0.0	0.6	-0.3	14.3	1.0	14,401
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.8	1.6	3.4	-1.3	-28.4	-26.8	-10.5	0.0	1.8	-0.4	14.2	1.9	63,028
Ngân hàng	-2.2	1.1	-1.0	-1.2	3.2	18.8	-2.2	0.0	28.0	3.8	9.4	1.5	2,077,067
Du lịch và Giải trí	-2.2	0.7	13.4	-0.7	-17.0	0.3	5.0	0.0	1.1	-0.1	21.2	10.8	127,773
Truyền thông	-2.4	51.8	86.6	4.4	14.9	31.1	175.4	0.0	1.0	0.2	6.9	1.6	3,112
Bán lẻ	-2.9	-0.7	-8.1	-2.5	9.2	1.5	-17.6	0.0	4.6	0.8	33.2	3.4	126,951
Tài chính	-3.9	-0.4	-5.7	-2.3	-5.5	-22.8	-21.0	0.0	10.6	0.6	17.7	1.3	193,004
Bảo hiểm	-3.9	-3.5	13.2	-1.5	-26.7	-28.9	22.2	0.0	0.4	-0.1	15.4	1.5	49,664

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,500**	-9.7	-22.5	-154.0	-925.1
Nước ngoài	**1,622**	-6.8	-30.2	-144.5	-644.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	414	-4.7	-17.0	-46.0	8.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	587	-2.2	-7.4	-16.4	-154.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	188	0.0	-4.1	-24.8	-433.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	254	0.0	-1.6	-17.8	-3.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	162	0.0	0.0	-36.8	-53.5
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	-2.7	-3.1
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**879**	-2.9	7.7	-9.5	-280.1
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	266	-2.9	-4.5	-15.7	-127.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19	0.0	-0.2	-6.0	-163.1
MAFN VN30 ETF	24	0.0	12.3	12.1	9.9
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.0	0.0	3.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	96,396	70,179	52,200
Ấn độ	-882	-70	-70	-70
Indonesia	20	-15	-15	-15
Nhật Bản*	-6,542	-7,151	7,625	1,624
Maylaysia	10	-13	-13	-13
Hàn Quốc	-170	-251	-251	-251
Sri Lanka	1	0	0	0
Đài Loan	-1,780	-967	-967	-967
Thái Lan	-47	-37	-37	-37
Việt Nam	-1	-4	-4	-4

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

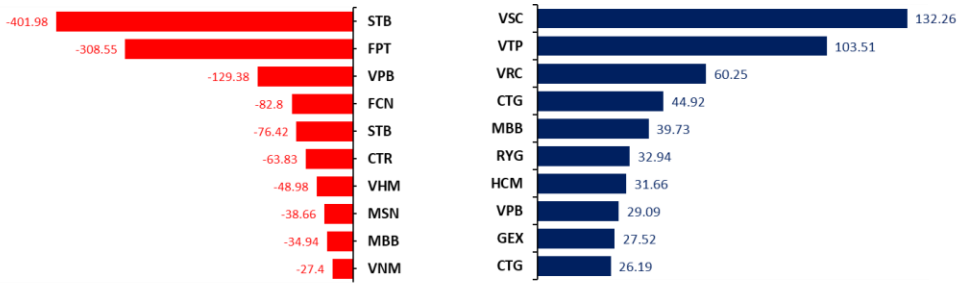
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

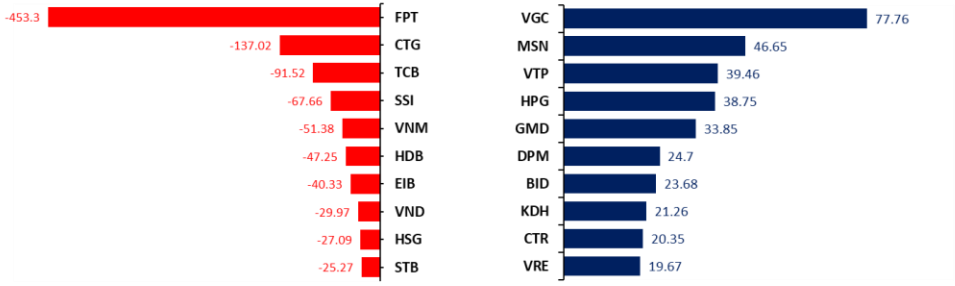
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-71	18	-135	117
Tài nguyên Cơ bản	-23	78	-27	-51
Truyền thông	1	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	267	24	24	-47
Y tế	-2	0	-1	1
Hóa chất	0	25	11	-36
Dịch vụ tài chính	18	-22	-15	38
Du lịch và Giải trí	-20	-6	6	0
Ngân hàng	-634	25	-16	-9
Xây dựng và Vật liệu	-142	26	89	-115
Thực phẩm và đồ uống	-110	19	15	-34
Bán lẻ	-3	110	-62	-48
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0	-37	37	0
Hàng cá nhân & Gia dụng	-6	0	1	-1
Công nghệ Thông tin	-306	-267	484	-218
Ô tô và phụ tùng	-19	14	6	-20
Bảo hiểm	-3	-2	0	2
Dầu khí	-7	0	0	0
Tổng	-1,060	5	415	-420

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VTB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.51 - 12.40	9.9	-17.9%
2	KHP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.39 - 15.80	12.7	-17.9%
3	GMC	Hàng cá nhân & Gia dụng	6.28 - 9.84	6.3	-15.1%
4	OGC	Dịch vụ tài chính	3.50 - 8.40	4.0	-11.5%
5	TDH	Bất động sản	2.00 - 4.74	2.9	-10.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.2%	11.2	6.40 - 15.70	Ô tô và phụ tùng	TMT
12.4%	5.0	4.10 - 5.43	Hóa chất	PLP
8.8%	144.2	65.00 - 154.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTP
8.1%	40.5	30.00 - 42.70	Bán lẻ	BTT
7.0%	144.2	15.35 - 22.70	Hóa chất	DTT

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.70 - 35.80	19.6	-18.0%
2	MEL	Tài nguyên Cơ bản	5.40 - 8.50	6.2	-16.2%
3	VMC	Xây dựng và Vật liệu	5.40 - 10.50	7.0	-14.6%
4	SDN	Xây dựng và Vật liệu	24.10 - 34.90	30.0	-14.0%
5	BKC	Tài nguyên Cơ bản	5.90 - 15.90	13.7	-12.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.5%	9.6	6.70 - 12.40	Xây dựng và Vật liệu	VE3
20.7%	35.0	29.00 - 38.30	Du lịch và Giải trí	TTT
20.5%	31.2	18.20 - 35.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC
16.1%	7.2	3.70 - 7.40	Xây dựng và Vật liệu	VTV
15.9%	16.0	7.60 - 22.90	Du lịch và Giải trí	ATS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	YBC	Xây dựng và Vật liệu	4.60 - 9.80	7.0	-22.2%
2	CT6	Xây dựng và Vật liệu	5.80 - 10.90	8.1	-20.6%
3	HTT	Bán lẻ	1.00 - 1.80	1.4	-17.6%
4	DSP	Du lịch và Giải trí	9.00 - 20.00	14.0	-17.6%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	13.85 - 40.60	26.8	-17.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.9%	20.0	10.90 - 23.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	SPV
38.9%	10.0	4.00 - 14.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HFC
38.8%	6.8	4.70 - 8.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	VNY
31.9%	18.6	9.00 - 23.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	UEM
26.9%	16.5	8.60 - 16.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DWC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	SBA	Sông Ba JSC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	484.9	910.2	29.5	3.65 - 5.73	7.3
2	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	1,222.9	262.9	34.0	25.45 - 39.50	0.0
3	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	20,033.4	148.9	65.0	53.10 - 76.80	-1.7
4	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,582.6	101.1	46.7	35.53 - 48.05	-1.7
5	YEG	Tập đoàn Yeah1	Truyền thông	80,329.2	95.6	19.6	8.50 - 24.80	-9.5
6	CTF	Chứng khoán DNSE	Dịch vụ tài chính	3,957.6	89.9	21.9	19.86 - 34.16	2.1
7	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	7,097.4	62.8	52.7	30.05 - 55.40	-0.9
8	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	46,975.5	62.4	96.6	83.10 - 110.20	-0.9
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	Xây dựng và Vật liệu	67,605.2	60.4	47.0	39.15 - 60.90	5.6
10	VPG	Đầu tư TMại XNK Việt Phát	Tài nguyên Cơ bản	3,159.1	58.8	11.9	11.70 - 18.10	-2.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

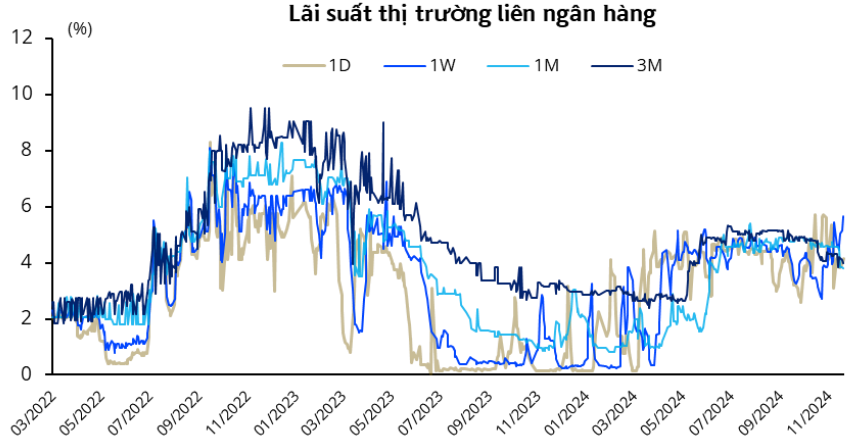
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	109.07	0.9	2.5	6.9	0.5	
VND/USD	25,448	0.0	0.2	2.8	-0.1	
KRW/USD	1,468.05	-0.2	2.8	11.0	-0.3	
JPY/USD	157.36	-0.3	5.2	7.1	0.1	
EUR/USD	0.97	1.4	2.2	7.3	0.7	
SGD/USD	1.37	1.0	2.0	5.8	0.5	
CNY/USD	7.30	0.0	0.2	4.0	0.0	

Hàng hóa

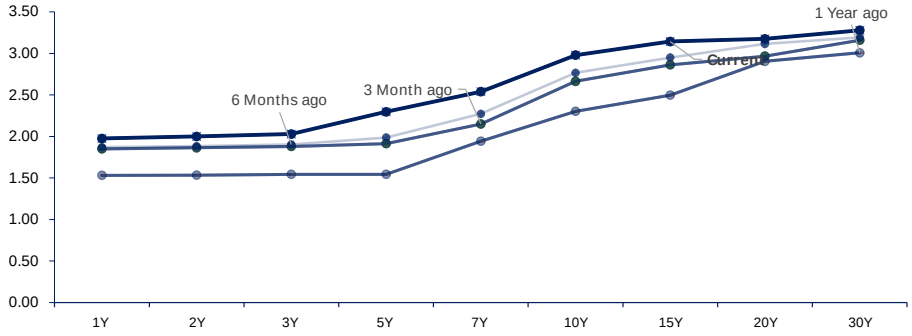
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	73.17	5.1	4.6	-0.7	2.0	
Xăng	205.36	5.5	4.6	-1.9	2.6	
Gas	3.54	-4.7	16.4	19.2	-2.5	
Than	124.60	-1.7	-7.7	-11.2	-0.5	
Vàng	2,652.73	1.2	0.3	-0.1	1.1	
Bạc	29.60	0.7	-4.6	-7.5	2.4	
Platinum	932.27	0.7	-2.2	-6.4	2.7	
Quặng sắt	100.61	-3.3	-4.5	-7.9	-2.9	
Thép cán	3,467.00	-0.4	-2.3	-5.7	-0.1	
Lúa mì	544.50	0.6	1.4	-9.8	-1.3	
Ngô	458.50	1.0	8.3	7.1	0.0	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.00	2.03	2.30	2.54	2.98	3.14	2.86	2.95
Thay đổi (WoW)	0.80	1.70	1.60	0.30	1.70	0.50	2.70	-0.40	1.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	SZC	41.9	45.7	35-38	9.07%	Giao dịch trên EMA 50 và kiểm định thành công vùng hỗ trợ 38. MACD có xu hướng cắt xuống đường tín hiệu. Nhà đầu tư có thể giải ngân một phần với SZC sau khi cổ phiếu kiểm định thành công vùng hỗ trợ giá 39. Ngoài ra nhóm khu công nghiệp sẽ được hưởng lợi tốt hơn từ sự dịch chuyển của nhiều doanh nghiệp từ Trung Quốc
2	SIP	81.2	88	76.00	8.37%	Đang kiểm định lại vùng hỗ trợ tương ứng EMA 50. Kháng cự mạnh tại vùng 88. Kì vọng SIP sẽ tích lũy thêm để tạo nền giá tốt thì nhịp tăng sẽ bền hơn, nhà đầu tư có thể giải ngân một phần tại nền giá thấp và chờ đợi phiên bùng nổ khối lượng để giải ngân tiếp tục . Ngoài ra nhóm khu công nghiệp sẽ được hưởng lợi tốt hơn từ sự dịch chuyển của nhiều doanh nghiệp từ Trung Quốc
3	SGP	28.2	34.7	27.5	23.05%	Giá và thanh khoản cải thiện liên tục, cổ phiếu bức quá qua nền tích lũy. Động lượng giá tốt. Canh nhịp hồi để giải ngân mua mới
4	HDG	28.65	32.9	30	14.83%	Giá và thanh khoản vượt nền tích lũy chặt, cần chờ đợi điều chỉnh để có thể tham gia. Ngoài ra, nhiều dự án bds của HDG đang được kỳ vọng được gỡ pháp lý, mảng điện được hỗ trợ bởi nhiều chính sách gần đây như luật điện lực sửa đổi, DPPA,…
5	IMP	46.3	57	43	23.11%	Giá và thanh khoản cải thiện liên tục, cổ phiếu bức quá qua nền tích lũy. Động lượng giá tốt. Canh nhịp hồi để giải ngân mua mới
6	DBC	27.75	31.25	26.9	12.61%	Dòng tiền có xu hướng đổ vào và giá cải thiện tốt. Kì vọng sẽ có nhiều hơn những phiên như vậy để chắc chắn về xu hướng tăng.

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.